TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/DS-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tất Ái.

2. Bà Lê Thị Thu Yến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Diễm Hương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: Số F đường N, Phường T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Công T, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Số A đường G, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Minh L1, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Số H đường K, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Văn Công N, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Số C đường H, Phường T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

(có mặt anh T, bà L1, vắng mặt ông N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Kim L cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Công T thống nhất trình bày*:

Bà Nguyễn Kim L có cho bà Nguyễn Thị Minh L1 vay tiền nhiều lần tổng cộng 250.000.000 đồng, các lần cụ thể như sau:

Ngày 17/4/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 02/5/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 21/6/2019 vay số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 27/8/2019 vay số tiền 90.000.000 đồng.

Khi vay có thỏa thuận lãi suất đóng hàng tháng, khi nào cần tiền bà L đòi thì bà L1sẽ trả.

Tuy nhiên, từ thời gian vay đến nay, bà L1 không đóng lãi, khi bà L yêu cầu trả nợ gốc thì bà L1 né tránh không trả nợ.

Do đó, nay bà L khởi kiện buộc bà L1 trả cho bà L số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ thời điểm vay đến khi Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh L1 trình bày*: Bà hoàn toàn không biết mặt bà Kim L, chưa từng mượn tiền của bà Kim L. Giấy mượn tiền đúng là chữ ký, chữ viết của bà nhưng bà đã bị mất giấy này đã lâu (do thất lạc). Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Hiện tại bà không có thiếu tiền bà L nhưng có thiếu tiền ông Văn Công N, số tài khoản 098019636940001. Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB), số điện thoại 0901248678. Hàng tháng bà có đóng lãi và đang trả vốn hàng tháng cho ông N bằng số tài khoản 098019636940001, tổng số tiền 78.000.000 đồng. Trước đó đóng lời bằng tiền mặt mỗi tháng 12.500.000 đồng tiền lời (5%/tháng). Tổng cộng số tiền lời 86.000.000 đồng. Tổng số tiền bà đã trả cho ông Văn Công N tiền vốn và lãi là 164.000.000 đồng.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Văn Công N trình bày*: ông không biết và không liên quan gì đến việc bà Nguyễn Thị Minh L1 vay mượn tiền của bà Nguyễn Kim L. Bà L1 có khai với Tòa là có chuyển tiền vào tài khoản của ông, nhưng việc chuyển tiền đó là việc làm ăn giữa ông và bà L1. Việc vay mượn tiền giữa bà L và bà L1 không liên quan gì đến việc bà L1 chuyển tiền cho ông, không liên quan gì đến nhau. Ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, anh Nguyễn Công T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim L căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 17/4/2019, ngày 02/5/2019, ngày 21/6/2019, ngày 27/8/2019 để khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh L trả số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ thời điểm vay đến khi Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh L cư trú tại số H đường K, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Văn Công N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo qui định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*: Bà L cho rằng ngày 17/4/2019 có cho bà L1 vay 50.000.000 đồng, ngày 02/5/2019 cho vay 50.000.000 đồng, ngày 21/6/2019 cho vay 60.000.000 đồng, ngày 27/8/2019 cho vay 90.000.000 đồng. Tổng cộng 04 lần vay là 250.000.000 đồng. Những lần vay tiền bà L1 là người viết biên nhận, có ký tên. Hai bên thỏa thuận đóng lãi hàng tháng, nhưng từ thời điểm vay đến nay, bà L1 không đóng tiền lãi, bà L yêu cầu trả tiền gốc thì bà L1 né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Căn cứ vào các biên nhận mượn tiền đề ngày 17/4/2019, ngày 02/5/2019, ngày 21/6/2019, ngày 27/8/2019, do bà L cung cấp có chữ viết, chữ ký bà L1 có đủ cơ sở xác định giữa bà L và bà L1 đã xác lập 04 hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Theo 04 hợp đồng do bà L cung cấp thì giữa bà L và bà L1 khi vay tiền không có thoả thuận về lãi suất và thời hạn vay tiền; tuy nhiên theo bà L trình bày thì lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng và khi nào cần lấy lại tiền vốn, bà L thông báo thì bà L1 sẽ trả tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L1 cho rằng không quen biết bà L, chưa từng nhận tiền của bà L. Tuy nhiên, bà L1 thừa nhận chữ viết chữ ký trong các biên nhận do nguyên đơn cung cấp là của mình, nhưng cho rằng các giấy nợ này đã thất lạc rất lâu. Bà L1 một mực không thừa nhận có vay tiền của bà L, nhưng cho rằng có vay tiền của ông Văn Công N, bà chỉ giao dịch với ông N, khi vay tiền ông N đề nghị bà viết biên nhận như vậy nên bà viết theo, hàng tháng có trả lãi và gốc qua tài khoản ngân hàng cho ông N.

Xét thấy, bà L1 thừa nhận chữ viết chữ ký trong các biên nhận nợ là của mình, nhưng khai không vay tiền của bà L, không biết mặt bà L là mâu thuẫn, không phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và mâu thuẫn với chính lời thừa nhận của mình. Bởi trong các biên nhận đều ghi rất rõ nội dung "có vay của chị Nguyễn Kim L" số tiền cụ thể. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà L1 phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay, hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho bà L. Đến tại phiên tòa hôm nay bà L1 không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh đã thanh toán tiền cho bà L. Do đó, căn cứ vào các biên nhận mượn tiền đề ngày 17/4/2019, ngày 02/5/2019,

ngày 21/6/2019, ngày 27/8/2019, lời thừa nhận của bị đơn về chữ ký, chữ viết của mình trong các biên nhận có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với việc bà L1 trình bày có thiếu tiền ông Văn Công N. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N không có yêu cầu độc lập buộc bà L1 trả tiền. Tại phiên tòa bà L1 đề nghị ông Nhoàn trả lại cho bà số tiền 103.000.000 đồng mà bà L1 có chuyển khoản cho ông N qua tài khoản ngân hàng. Xét thấy yêu cầu của bà L1 đối với ông N được đưa ra sau phiên hòa giải và công khai chứng cứ nên không được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, để bảo vệ quyền lợi của bà L1, bà L1 có quyền khởi kiện ông N thành một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: Theo anh T trình bày từ khi vay tiền, bà L1 không đóng lãi đầy đủ cho nguyên đơn, khi bà L thông báo trả tiền gốc thì bà L1 cũng không thực hiện. Nay anh T yêu cầu tính lãi từ ngày 27/8/2019 đến ngày xét xử. Xét thấy yêu cầu tính lãi của anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự và điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao nên Toà án chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi là: 250.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 35 tháng = 72.625.000 đồng.

[6] *Về án phí*: Bị đơn bà L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Minh L1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L 250.000.000 đồng tiền vốn và 72.625.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 322.625.000 (*ba trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh L1 phải chịu 16.131.000 (*mười sáu triệu một trăm ba mươi mốt ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Văn Công N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thúy Hằng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn ông Dương Ngọc Thảo căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 22/12/2018 để khởi kiện yêu cầu ông Tăng Tiến Dũng trả số tiền 118.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông Tăng Tiến Dũng có hộ khẩu thường trú tại số 379, tổ 13, ấp Thới Thuận, xã Thới Sơn, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tống đạt đối với ông Tăng Tiến Dũng đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Dũng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Tăng Tiến Dũng .

[4] *Về yêu cầu của đương sự*: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 22/12/2018 thể hiện ông Tăng Tiến Dũng có vay của ông Dương Ngọc Thảo số tiền 118.000.000 đồng. Hợp đồng vay tài sản là tiền giữa ông Thảo và ông Dũng là hợp đồng có kỳ hạn, hạn cuối trả nợ là từ ngày 12 đến ngày 22 tháng 01 năm 2019. Việc ông Dũng không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay tài sản trả đủ tiền khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Dũng phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay, hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho ông Thảo. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết

vụ án, ông Dũng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã vay đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 22/12/2018 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thảo theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] *Về án phí*: Ông Tăng Tiến Dũng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Ngọc Thảo.

2. Buộc ông Tăng Tiến Dũng phải trả cho ông Dương Ngọc Thảo số tiền 118.000.000 (một trăm mười tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Ông Tăng Tiến Dũng phải chịu 5.900.000 (*năm triệu chín trăm ngàn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Dương Ngọc Thảo số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.950.000 (*hai triệu chín trăm năm mươi ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0001248 ngày 30/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Dương Ngọc Thảo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Tăng Tiến Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thúy Hằng